

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS – ST

Ngày: 06-9-2019

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Anh Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Vinh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2019 “V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXXST – DS ngày 29-7-2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nghiêm Xuân T, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị).

- Bà Phạm Thị Thúy K; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 295/UQ-VCB.PC ngày 18-6-2018).

- Bà Phạm Thị Thúy K ủy quyền lại cho: Bà Nguyễn Thị Bích L; chức vụ: Phó Trưởng Phòng khách hàng bán lẻ Ngân hàng T– Chi nhánh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền số 14/UQ –NHNT.QNg ngày 04-4-2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Hữu D, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số đường L, tổ 9, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04-4-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng T (viết tắt là V) có bà Nguyễn Thị Bích L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi và anh Phạm Hữu D có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4439/17/KHBL.QNg ngày 24-11-2017, số tiền cho vay là 100.000.000 đồng, mục đích sử dụng: Tiêu dùng, thời hạn vay là 36 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn: 11,5%/năm và được điều chỉnh theo Thông báo thay đổi lãi suất của bên cho vay định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo lãi suất công bố của bên cho vay. Lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, phương thức trả nợ gốc, lãi trả hàng tháng. Anh Phạm Hữu D đã nhận nợ vay với số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 3232/GNN/KHBL.QNg ngày 24-11-2017.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng anh Phạm Hữu D đã trả được 21.260.000 đồng tiền gốc và 5.500.793 đồng tiền lãi. Từ tháng 8 năm 2018 cho đến nay anh D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay đúng như cam kết trong hợp đồng và đã vi phạm hợp đồng tín dụng nêu trên.

Tính đến ngày 06-9-2019 anh Phạm Hữu D còn nợ V tổng số tiền là 91.515.970 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 78.740.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 11.628.050 đồng, lãi quá hạn là 1.147.920 đồng.

Nay V yêu cầu anh Phạm Hữu D có nghĩa vụ trả nợ số tiền 91.515.970 đồng (tiền lãi tính đến ngày 06-9-2019) và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi anh Phạm Hữu D thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn là anh Phạm Hữu D không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26, 144 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T về việc buộc anh Phạm Hữu D phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền 91.515.970 đồng (tính đến ngày 06-9-2019), trong đó tiền nợ gốc là 78.740.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.628.050 đồng, lãi quá hạn là 1.147.920 đồng và tiếp tục trả lãi cho đến khi trả xong nợ.

+ Về phần án phí dân sự sơ thẩm anh Phạm Hữu D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Hữu D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Anh Phạm Hữu D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng khác nhưng anh Duy không đến Tòa án làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử và không có văn bản trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, yêu cầu khởi kiện của V và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các tài do nguyên đơn cung cấp thể hiện giữa V và anh Phạm Hữu D có ký kết Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4439/17/KHBL.QNg ngày 24-11-2017 cho vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 36 tháng. Anh Phạm Hữu D đã nhận nợ vay với số tiền 100.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 3232/GNN/KHBL.QNg ngày 24-11-2017. Quá trình trả nợ vay, anh Phạm Hữu D không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay như đã cam kết trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06-9-2019) anh Phạm Hữu D còn nợ V tổng số tiền là 91.515.970 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 78.740.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 11.628.050 đồng, lãi quá hạn là 1.147.920 đồng. Do đó, V yêu cầu anh Phạm Hữu D phải thanh toán số tiền nợ trên (tính đến ngày 06-9-2019) cùng lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký cho đến khi trả xong các khoản nợ là phù hợp với các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Phạm Hữu D phải chịu 4.576.000 đồng (91.515.970 đồng x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T: Buộc anh Phạm Hữu D phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày 06-9-2019 theo Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4439/17/KHBL.QNg ngày 24-11-2017 tổng cộng là 91.515.970 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 78.740.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 11.628.050 đồng, lãi quá hạn là 1.147.920 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Hữu D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 4439/17/KHBL.QNg ngày 24-11-2017 đã ký với Ngân hàng T, chi nhánh Quảng Ngãi.

3. Về án phí: Anh Phạm Hữu D phải chịu 4.576.000đ (Bốn triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn là Ngân hàng T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.173.000 đồng (Hai triệu, một trăm bảy mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001186 ngày 26-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Hoa

